

1

Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng; có mặt.

3. Bà Đỗ Thị Q1, sinh năm 1968; địa chỉ: số 2/28 đường Đình Trà, Trà Khê 2, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng; có mặt.

4. Bà Đỗ Thị T1, sinh năm 1957; địa chỉ: xóm Trại, Trà Khê 1, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

5. Bà Bùi Thị Ng1, sinh năm 1964; địa chỉ: số 44 Trà Khê 3, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng; có mặt.

6. Bà Vũ Thị Ch1, sinh năm 1960; địa chỉ: Trà Khê 3, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

7. Bà Phạm Thị L, sinh năm 1975; địa chỉ: số 25 Trà Khê 3, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng; có mặt.

8. Bà Lưu Thị Gi1, sinh năm 1973; địa chỉ: số 3/48 Trà Khê 3, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng; có mặt.

9. Bà Vũ Thị T2, sinh năm 1967; địa chỉ: số 93 Mạc Đăng Doanh, Phấn Dũng 2, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

10. Bà Đỗ Thị D, sinh năm 1964; địa chỉ: số 3/18 Trà Khê 3, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

11. Bà Lê Thị Ánh T3, sinh năm 1981; địa chỉ: số 5 Trà Khê 2, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

12. Bà Vũ Thị Thanh H, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ 11, phường Hưng Đạo, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

13. Bà Vũ Thị X, sinh năm 1957; địa chỉ: số 60 chợ Trà Khê, Trà Khê 3, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

14. Bà Vũ Thị T4, sinh năm 1968; địa chỉ: Trà Khê 2, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng; có mặt.

**** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị hại:***

1. Luật sư Nguyễn Phúc Th - Văn phòng luật sư Phúc Thành C, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; vắng mặt.

2. Luật sư Lã Viết N - Công ty luật TNHH MTV Nhân A, Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

3. Luật sư Ngô Ngọc D1 - Công ty luật TNHH Thinksmart, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; vắng mặt.

4. Luật sư Trần Hồng L - Văn phòng luật sư Lĩnh Chính Th1, Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng; có mặt.

**** Người tham gia tố tụng khác:***

1. Chị Phạm Thị Ng, sinh năm 1974; địa chỉ: số 50, Tổ dân phố Trà Khê 3, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

2. Chị Lương Thị H1; vắng mặt.

3. Anh Trần Hữu Th2; vắng mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 84 người bị hại khác không kháng cáo, không bị kháng nghị, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lương Ngọc T làm chủ quản lý họ góp từ khoảng năm 1996. Trong quá trình làm chủ họ do bị thất thoát tiền nên T đã phải vay nợ nhiều người để duy trì việc chơi họ. Đến năm 2016, Lương Ngọc T tính toán số nợ của mọi người lên đến khoảng 10 tỷ đồng, không có khả năng trả nợ nên phải tiếp tục vay tiền của mọi người và trả lãi theo thỏa thuận. Đồng thời, Lương Ngọc T tiếp tục thu tiền họ góp của mọi người nhưng trên thực tế T không tổ chức hoạt động chơi họ mà chỉ nói với mọi người là có tổ chức đây họ để mọi người tin tưởng đóng tiền. Lương Ngọc T chỉ thực hiện việc ghi chép để theo dõi, đôn đốc, thu tiền đóng họ góp và thanh toán trả tiền cho mọi người khi đến kỳ đăng ký bốc họ. Đến ngày 02/8/2019, Lương Ngọc T bỏ trốn khỏi địa phương để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Từ cuối năm 2016 đến tháng 8/2019 đã có nhiều người cho Lương Ngọc T vay tiền với tổng số tiền là 6.550.000.000 đồng và nhiều người do tin tưởng T đã tham gia đóng họ góp với số tiền là 8.833.000.000 đồng. T nhiên, có 04 người phải có trách nhiệm đóng tiếp số tiền 182.400.000 đồng cho T do đã được lĩnh tiền bốc họ từ trước, gồm: bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1973, trú tại: Tổ 9, Hưng Đạo, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng; bà Nguyễn Thị D2, sinh năm 1968, trú tại: 3/63 Phú Hải, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng; bà Đỗ Thị D, sinh năm 1964, trú tại: 3/18, Trà Khê 3, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng; bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1950, trú tại: 3/63 Phú Hải, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng. Đối trừ khoản tiền trên, số tiền mà Lương Ngọc T nhận của những người chơi họ góp lãi là 8.650.600.000 đồng. Cụ thể:

- Về hành vi “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”:

Tài liệu điều tra đã xác định có 23 người cho Lương Ngọc T vay tiền, gồm:

1. Phạm Thị D3, sinh năm 1982 ở số 4 Trà Khê 3, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 50.000.000 đồng;
2. Phạm Văn Th3, sinh năm 1973 ở Trà Khê 3, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 100.000.000 đồng;
3. Đàm Thị M, sinh năm 1962 ở Trà Khê 3, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 60.000.000 đồng;
4. Nguyễn Thị B, sinh năm 1973 ở Tổ 9, Hưng Đạo, Dương Kinh, Hải Phòng: 200.000.000 đồng;
5. Phạm Thị L, sinh năm 1975 ở số 25, Trà Khê 3, Anh Dũng, Dương

Kinh, Hải Phòng: 680.000.000 đồng;

6. Tạ Thị Th4, sinh năm 1975 ở số 8, TDP Ninh Hải 3, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 50.000.000 đồng;

7. Nguyễn Hoàng K, sinh năm 1974 ở số 18 Khu dân cư Ninh Hải 1, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 100.000.000 đồng;

8. Trần Thị Th5, sinh năm 1972 ở số 101 Trà Khê 2, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 240.000.000 đồng;

9. Nguyễn Thị D2, sinh năm 1968 ở số 3/63 Phú Hải, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 180.000.000 đồng;

10. Đỗ Thị L1, sinh năm: 1960 ở số 10/12 đường Cao Phấn Dũng 1, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 230.000.000 đồng;

11. Đàm Thị Ch2, sinh năm 1971 ở số 52 Thị trấn Nho Quan, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình: 350.000.000 đồng;

12. Nguyễn Thị N1, sinh năm 1964 ở Tiểu Trà, Hưng Đạo, Dương Kinh, Hải Phòng: 50.000.000 đồng;

13. Lưu Thị T4, sinh năm 1976 ở số 131 Mạc Đăng Doanh, Phấn Dũng, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 80.000.000 đồng;

14. Lưu Thị Gi1, sinh năm 1973 ở số 3/48 Trà Khê 3, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 75.000.000 đồng;

15. Phạm Thị Kim D4, sinh năm 1992 ở Trà Khê 2, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 50.000.000 đồng;

16. Nguyễn Kim Ch, sinh năm 1988 ở số 20 Trà Khê 1, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 1.350.000.000 đồng;

17. Vũ Thị Ch1, sinh năm 1960 ở Trà Khê 3, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 570.000.000 đồng;

18. Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1944 ở số 46 Trà Khê 2, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 50.000.000 đồng;

19. Hoàng Thị H3, sinh năm 1967 ở Số 7, Trà Khê 1, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 290.000.000 đồng;

20. Vũ Thị X, sinh năm 1957 ở số 60 chợ Trà Khê, Trà Khê 3, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 70.000.000 đồng;

21. Đỗ Thị H5, sinh năm 1960 ở số 8 Tổ 1 Trà Khê, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 250.000.000 đồng;

22. Vũ Thị T2, sinh năm 1967 ở số 93 Mạc Đăng Doanh, Phấn Dũng 2, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 1.125.000.000 đồng;

23. Hoàng Thị Th5, sinh năm: 1975 ở số 3 Trà Khê 3, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 350.000.000 đồng.

- Về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”:

Để có tiền trả nợ và sử dụng cá nhân, Lương Ngọc T đã nói dối mọi người là mình vẫn tiếp tục tổ chức chơi họ góp để huy động mọi người đóng họ. Tài liệu điều tra đã xác định có 98 người đã đóng họ góp cho T, gồm:

1. Nguyễn Thị H4, sinh năm 1985 ở Phấn Dũng 1, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 170.000.000 đồng;
2. Phạm Thị D3, sinh năm 1982 ở số 4 Trà Khê 3, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 30.000.000 đồng;
3. Nguyễn Thị S, sinh năm 1957 ở Trà Khê 3, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 42.000.000 đồng
4. Phạm Văn Th3, sinh năm 1973 ở thôn Đại Trà, xã Đông Phương, huyện Kiến Thụy, Hải Phòng: 65.000.000 đồng;
5. Đàm Thị M, sinh năm 1962 ở Trà Khê 3, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 24.000.000 đồng;
6. Nguyễn Thị B, sinh năm 1973 ở Tổ 9, Hưng Đạo, Dương Kinh, Hải Phòng: 60.000.000 đồng (Bà B còn phải đóng 36.0000.000 đồng để kết thúc đây họ đã lĩnh);
7. Phạm Thị L, sinh năm 1975 ở số 25, Trà Khê 3, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 305.000.000 đồng;
8. Nguyễn Thị N2, sinh năm 1974 ở số 25 Trà Khê 3, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 42.000.000 đồng;
9. Trần Thị Th6, sinh năm 1962 ở Trà Khê 2, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 24.000.000 đồng;
10. Tạ Thị Th4, sinh năm 1975 ở số 8, TDP Ninh Hải 3, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 211.000.000 đồng;
11. Nguyễn Hoàng K, sinh năm 1974 ở số 18 Khu dân cư Ninh Hải 1, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 70.000.000 đồng;
12. Ngô Thị H6, sinh năm 1968 ở số 18 Phấn Dũng, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 570.000.000 đồng;
13. Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1963; ở Trà Khê 2, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 105.000.000 đồng;
14. Lê Thị Ng2, sinh năm 1961; ở số 2 Trà Khê 2, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 8.000.000 đồng;
15. Trần Thị N3, sinh năm 1985; ở số 122 Tổ 8, Hưng Đạo, Dương Kinh, Hải Phòng: 60.000.000 đồng;
16. Trần Thị H6, sinh năm 1990 ở Kim Đới 1, Hữu Bằng, Kiến Thụy, Hải Phòng: 32.000.000 đồng;
17. Trần Thị Ng3, sinh năm 1983 ở số 122 tổ 8 Hưng Đạo, Dương Kinh, Hải Phòng: 20.000.000 đồng;

18. Đàm Thị T5, sinh năm 1967 ở số 100, Hợp Hòa, Trà Khê 3, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 42.000.000 đồng;
19. Vũ Thị S1, sinh năm 1986 ở số 1 Trà Khê 3, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 204.000.000 đồng;
20. Nguyễn Thị D5, sinh năm 1966 ở số 36, Phú Hải 3, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 87.000.000 đồng;
21. Lê Thị Thanh Ng4, sinh năm 1988 ở số 93 Trà Khê 2, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 37.000.000 đồng;
22. Đỗ Thị K1, sinh năm 1962 ở số 4 Phấn Dũng, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 30.000.000 đồng;
23. Trần Thị Th5, sinh năm 1972 ở số 101 Trà Khê 2, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 21.000.000 đồng;
24. Đỗ Thị Th7, sinh năm 1967 ở số 93, Trà Khê 2, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 13.000.000 đồng;
25. Phạm Thị Hải Y, sinh năm 1991 ở Trà Khê 2, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 33.000.000 đồng;
26. Hoàng Thị L2, sinh năm 1960 ở Trà Khê 3, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 159.000.000 đồng;
27. Đàm Hữu H7, sinh năm 1984 ở số 124 Hợp Hòa, Trà Khê 3, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 21.000.000 đồng;
28. Lê Thị Hồng H8, sinh năm 1989 ở số 11/294 Văn Cao, Đằng Lâm, Hải An, Hải Phòng: 38.000.000 đồng;
29. Lưu Thị D6, sinh năm 1956 ở số 3, Trà Khê 3, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 43.000.000 đồng;
30. Nguyễn Thị D2, sinh năm 1968 ở số 3/63 Phú Hải, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 555.000.000 đồng (Bà D2 còn phải đóng 48.000.000 đồng để kết thúc dây họ đã lĩnh tiền bóc họ);
31. Đỗ Thị T1, sinh năm 1957 ở xóm Trại, Trà Khê 1, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 185.000.000 đồng;
32. Đỗ Thị L1, sinh năm 1960 ở số 10/12 đường Cao Phấn Dũng 1, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 129.000.000 đồng;
33. Nguyễn Thị T6, sinh năm 1961 ở số 31 Trà Khê 3, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 12.000.000 đồng;
34. Đồng Thị Thu H9, sinh năm 1973 ở số 76, Trà Khê 3, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 80.000.000 đồng;
35. Vũ Thị H10, sinh năm 1980 ở số 1B, Trà Khê 3, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 28.000.000 đồng;
36. Đoàn Thị M1, sinh năm 1987 ở số 48, Trà Khê 3, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 81.000.000 đồng;

37. Đàm Thị Ch2, sinh năm 1971 ở số 52 Thị trấn Nho Quan, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình: 72.000.000 đồng;
38. Phạm Thị H11, sinh năm 1969 ở số 40, Phú Hải 3, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 67.000.000 đồng;
39. Nguyễn Thị N1, sinh năm 1964 ở Tiểu Trà, Hưng Đạo, Dương Kinh, Hải Phòng: 14.000.000 đồng;
40. Vũ Thị Th8, sinh năm 1987 ở số 01, Trà Khê 3, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 173.000.000 đồng;
41. Nguyễn Thị Th9, sinh năm 1980 ở số 20, Trà Khê 1, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 18.000.000 đồng;
42. Đỗ Thị Q1, sinh năm 1968 ở số 2/28 đường Đình Trà, Trà Khê 2, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 208.000.000 đồng;
43. Nguyễn Thị Th10, sinh năm 1982; ở số 10, Trà Khê 3, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 115.000.000 đồng;
44. Nguyễn Thị L4, sinh năm 1982 ở số 1/21 Trà Khê 3, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 64.000.000 đồng;
45. Phạm Thị V, sinh năm 1964 ở Tổ dân phố Phấn Dũng 1, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 60.000.000 đồng;
46. Đào Thị Th11, sinh năm 1973 ở Trà Khê 3, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 135.000.000 đồng;
47. Vũ Thị Thanh H, sinh năm 1979 ở Tổ 11, Hưng Đạo, Dương Kinh, Hải Phòng: 344.000.000 đồng;
48. Đỗ Thị D (tên khác: Đỗ Thị B2), sinh năm 1964 ở số 3/18, Trà Khê 3, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 52.000.000 đồng (Bà D còn phải đóng họ 2.400.000 đồng để kết thúc dây họ đã lĩnh tiền bóc họ);
49. Nguyễn Thị T7, sinh năm 1988 ở Trà Khê 2, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 36.000.000 đồng;
50. Đỗ Thanh T8, sinh năm 1973 ở số 110 Trà Khê 3, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 11.000.000 đồng;
51. Ngô Thị L5, sinh năm 1969 ở số 101, Mạc Đăng Doanh, Phấn Dũng, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 88.000.000 đồng;
52. Vũ Thị V1, sinh năm 1955 ở thôn Phong Cầu, Đại Đồng, Kiến Thụy, Hải Phòng: 67.000.000 đồng;
53. Lưu Thị T4, sinh năm 1976 ở số 131 Mạc Đăng Doanh, Phấn Dũng, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 12.000.000 đồng;
54. Đào Thị Tr, sinh năm 1970 ở số 542 Phạm Văn Đồng, Phấn Dũng, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 45.000.000 đồng;
55. Lưu Thị Gi1, sinh năm 1973 ở số 3/48 Trà Khê 3, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 208.000.000 đồng;

56. Phạm Thị Kim D4, sinh năm 1992 ở Trà Khê 2, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 265.000.000 đồng;
57. Lê Thị Ánh T3, sinh năm 1981 ở số 5 Trà Khê 2, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 78.000.000 đồng;
58. Nguyễn Kim Ch, sinh năm 1988 ở số 20 Trà Khê 1, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 90.000.000 đồng;
59. Vũ Thị Việt H12, sinh năm 1973 ở số 58 Hợp Hòa, Trà Khê 1, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 65.000.000 đồng;
60. Bùi Thị Thúy H13, sinh năm 1975 ở số 16/10/29/139 Ngô Gia Tự, Đằng Lâm, Hải An, Hải Phòng: 21.000.000 đồng;
61. Vũ Thị Ch1, sinh năm 1960 ở Trà Khê 3, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 340.000.000 đồng;
62. Trịnh Thị Th12, sinh năm 1962 ở Trà Khê 2, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 60.000.000 đồng;
63. Phùng Văn H14, sinh năm 1990 ở số 12/31 Phú Hải 2, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 48.000.000 đồng;
64. Đỗ Thị M3, sinh năm 1980 ở số 08, Trà Khê 2, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 168.000.000 đồng;
65. Nguyễn Hồng H15, sinh năm 1987 ở Trà Khê 2, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 52.000.000 đồng;
66. Nguyễn Thị Th13, sinh năm 1980 ở Trà Khê 2, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 44.000.000 đồng;
67. Trần Thị L6, sinh năm 1981 ở số 29, Trà Khê 3, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 110.000.000 đồng;
68. Nguyễn Thị M4, sinh năm 1960 ở Trà Khê 2, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 45.000.000 đồng;
69. Nguyễn Thị T9, sinh năm 1964 ở số 7/12 Tiểu Trà, Hưng Đạo, Dương Kinh, Hải Phòng: 44.000.000 đồng;
70. Vũ Thị T4, sinh năm 1968 ở Trà Khê 2, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 166.000.000 đồng;
71. Nguyễn Thị Th10, sinh năm 1985 ở số 10 Trà Khê 1, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 69.000.000 đồng;
72. Nguyễn Thị Nh1, sinh năm 1964 ở số 4/65 Tiểu Trà 2 (Tổ 9), Hưng Đạo, Dương Kinh, Hải Phòng: 45.000.000 đồng;
73. Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1944 ở số 46 Trà Khê 2, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 61.000.000 đồng;
74. Hoàng Thị H3, sinh năm 1967 ở số 7, Trà Khê 1, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 105.000.000 đồng;

75. Hoàng Thị L7, sinh năm 1964 ở Trà Khê 3, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 67.000.000 đồng;
76. Hoàng Thị Đ1, sinh năm 1969 ở Trà Khê 1, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 30.000.000 đồng;
77. Phan Thị Ng5, sinh năm 1985 ở Trà Khê 1, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 42.000.000 đồng;
78. Đỗ Hùng Th14, sinh năm 1960 ở Trà Khê 2, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 55.000.000 đồng;
79. Nguyễn Thị Th15, sinh năm 1972 ở số 11, Trà Khê 2, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 28.000.000 đồng;
80. Ngô Thị Th16, sinh năm 1957 ở Trà Khê 3, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 27.000.000 đồng;
81. Nguyễn Thị D9, sinh năm 1964 ở Trà Khê 1, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 120.000.000 đồng;
82. Vũ Thị H16, sinh năm 1959 ở số 5/1 Trà Khê 3, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 80.000.000 đồng;
83. Phạm Thị Thanh H17, sinh năm 1983 ở Hưng Đạo, Dương Kinh, Hải Phòng: 33.000.000 đồng;
84. Đỗ Thị H18, sinh năm 1966 ở số 3/61 Trà Khê 3, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 23.000.000 đồng;
85. Vũ Thị X, sinh năm 1957 ở số 60 chợ Trà Khê, Trà Khê 3, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 22.000.000 đồng;
86. Bùi Thị Ng1, sinh năm 1964 ở số 44 Trà Khê 3, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 56.000.000 đồng;
87. Đỗ Thị H5, sinh năm 1960 ở số 8 Tổ 1 Trà Khê, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 74.000.000 đồng;
88. Bùi Thị Th8, sinh năm 1958 ở số 2/32 Trà Khê 2, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 39.000.000 đồng;
89. Nguyễn Thị B1, sinh năm 1952 (đã chết): 30.000.000 đồng;
90. Lê Thị Q1, sinh năm 1963 ở Phấn Dũng, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 48.000.000 đồng;
91. Phùng Thị K1, sinh năm 1976 ở số 15 Trà Khê 2, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 65.000.000 đồng;
92. Trần Thị M2, sinh năm 1955 ở số 16 Trà Khê 2, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 59.000.000 đồng;
93. Nguyễn Thị Hương L3, sinh năm 1982 ở số 20 đường Đoàn Kết, Trà Khê 1, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 116.000.000 đồng;
94. Vũ Văn D8, sinh năm 1967 ở Trà Khê 3, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 55.000.000 đồng;

95. Vũ Thị T2, sinh năm 1967 ở số 93 Mạc Đăng Doanh, Phần Dũng 2, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 65.000.000 đồng;

96. Bùi Thị Bích L7, sinh năm 1973 ở số 5/96 Hợp Hòa, Trà Khê 3, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 120.000.000 đồng;

97. Nguyễn Thị H2, sinh năm 1950 ở Phần Dũng 1, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 147.000.000 đồng (Bà H2 còn phải đóng họ 96.000.000 đồng để kết thúc dây họ đã lĩnh tiền bốc họ).

98. Hoàng Thị Th5, sinh năm 1975 ở số 3 Trà Khê 3, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng: 131.000.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã thu giữ được một số giấy biên nhận vay tiền, xác nhận chân họ của Lương Ngọc T giao cho các bị hại để tiến hành giám định.

Tại Kết luận giám định số 35 ngày 05/5/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an thành phố Hải Phòng, kết luận:

“Chữ ký tại 95 tài liệu cần giám định so với chữ ký mang tên Lương Ngọc T trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký ra;

Chữ ký tại 03 tài liệu cần giám định so với chữ ký mang tên Lương Ngọc T trên các tài liệu mẫu so sánh không cùng dạng nên không giám định”.

Tại Kết luận giám định số 203 ngày 29/11/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an thành phố Hải Phòng, kết luận: *“Chữ ký tại 24 tài liệu cần giám định so với chữ ký mang tên Lương Ngọc T trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký ra”.*

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng đã tiến hành phong tỏa tài khoản của Lương Ngọc T tại Ngân hàng BIDV Chi nhánh Đồng Nai với số tiền có trong tài khoản tại thời điểm phong tỏa là 7.907.038 đồng. Ngày 16/8/2022, Lương Ngọc T bị bắt theo quyết định truy nã.

Tại Cơ quan điều tra, Lương Ngọc T khai: Bản thân làm chủ quản lý họ góp khoảng thời gian từ năm 1996. Quá trình làm chủ họ đến năm 2010, kẻ gian vào nhà trộm cắp tiền đóng họ góp lãi mà người chơi họ đã nộp nhưng T chưa kịp thanh toán, trả cho những người đến kỳ bốc họ. Để đảm bảo uy tín và duy trì việc chơi họ góp lãi, nhằm kiếm thêm thu nhập từ việc quản lý họ góp. T đã vay tiền của nhiều người quen biết (mức lãi suất vay theo thỏa thuận) để thanh toán tiền cho những người bốc họ tại thời điểm đó. Sau đó, T tiếp tục việc vay tiền của người sau và dùng tiền đóng họ góp lãi của người chơi để trả tiền lãi, tiền vay của người trước. Đến cuối năm 2016, T tính toán và xác định số tiền đã vay nợ và nhận đóng họ góp lãi của mọi người khoảng 10.000.000.000 đồng. T xác định không có khả năng chi trả số tiền trên, nên tiếp tục vay tiền và thu tiền họ góp lãi của mọi người, nhưng không tổ chức hoạt động chơi họ góp lãi mà chỉ thực hiện việc ghi chép để theo dõi, đôn đốc, thu tiền đóng họ góp và thanh toán trả tiền cho người chơi khi đến kỳ đăng ký lĩnh họ. Để mọi người tin tưởng nộp tiền họ góp

lãi, T đã quy định thời gian thu tiền họ góp, thanh toán trả tiền lĩnh họ là từ ngày 25 đến ngày 30 (âm lịch) hàng tháng.

Để nhận được tiền đóng họ góp lãi của người chơi, T không quy định thứ tự lĩnh họ trong hoạt động quản lý họ góp mà để người chơi tự đăng ký thứ tự lĩnh họ. Hầu hết người chơi đăng ký lĩnh họ ở vị trí nửa cuối của dây họ nhằm phát sinh lãi trong việc chơi họ góp. T để người chơi đăng ký lĩnh họ như trên nhằm cách xa thời hạn phải trả tiền lĩnh họ cho người chơi và sử dụng số tiền đóng họ vào mục đích cá nhân, trả tiền vay nợ đến hạn thanh toán, tiền lãi vay nợ và thanh toán trả tiền họ góp lãi của người chơi đến kỳ bốc họ hoặc khi người chơi có nhu cầu bốc họ. Trường hợp không còn tiền để thanh toán cho người có nhu cầu bốc họ, T lấy lý do nhầm lẫn hoặc đã có người đăng ký bốc họ từ trước để chưa phải thanh toán tiền bốc họ.

Mặt khác, T còn hỏi vay tiền của những người đến kỳ bốc họ với lãi suất theo thỏa thuận để hạn chế việc phải trả tiền cho người chơi họ góp; Trường hợp người chơi họ góp yêu cầu bốc họ không chấp nhận các lý do trên, T sẽ phải xoay xở, thu xếp tiền thanh toán họ góp cho người này, mục đích không để họ làm ầm ĩ, khiến cho mọi người nghi ngờ, phát hiện việc T không tổ chức hoạt động chơi họ góp.

Đối với việc vay tiền: T thỏa thuận vay tiền của mọi người với mức lãi suất theo thỏa thuận, dao động từ 2%/tháng đến 5%/tháng. Đồng thời, nhằm hạn chế việc phải trả tiền lãi vay, T rủ người cho vay tiền tham gia chơi họ góp lãi theo hình thức sử dụng khoản tiền lãi vay mà T trả hàng tháng làm một phần tiền để đóng họ góp lãi ở các dây họ mà người chơi đăng ký tham gia. T xác nhận: tổng số tiền mà T chiếm đoạt của 98 người tham gia chơi họ góp lãi và cho vay tiền nêu trên là 15.200.600.000 đồng (gồm tiền họ góp lãi là 8.650.600.000 đồng và tiền vay nợ là 6.550.000.000 đồng).

Đến ngày 02/8/2019, do không còn khả năng thanh toán tiền lãi, tiền vay nợ đến hạn trả và tiền lĩnh họ góp lãi đến kỳ thanh toán của người chơi, T đã bỏ trốn khỏi địa phương nhằm trốn tránh trách nhiệm trả tiền cho mọi người.

Về dân sự: Những người bị hại yêu cầu Lương Ngọc T phải bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt. Riêng bị hại Vũ Thị X không yêu cầu T bồi thường số tiền đóng họ góp là 22.000.000 đồng, chỉ yêu cầu bồi thường số tiền T chiếm đoạt thông qua việc vay nợ là 70.000.000 đồng. Gia đình T đã tự nguyện bồi thường số tiền 334.000.000 đồng cho 40 người bị hại.

Tại Cáo trạng số 39/CT-VKS ngày 20/02/2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đã truy tố Lương Ngọc T về tội về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 77/2023/HSST ngày 16/5/2023, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; khoản 4 Điều 175;

điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Lương Ngọc T 20 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 19 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành mức hình phạt chung cho cả hai tội là 30 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/8/2022.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; buộc bị cáo Lương Ngọc T phải bồi thường cho 14 bị hại số tiền theo danh sách cụ thể:

STT	Họ tên người bị hại	Số tiền được bồi thường (VNĐ)
1	Nguyễn Thị H4	170.000.000
2	Phạm Thị D3	78.000.000
3	Nguyễn Thị S	39.000.000
4	Phạm Văn Th3	165.000.000
5	Đàm Thị M	84.000.000
6	Nguyễn Thị B	224.000.000
7	Phạm Thị L	985.000.000
8	Nguyễn Thị N2	42.000.000
9	Trần Thị Th6	20.000.000
10	Tạ Thị Th4	189.000.000
11	Nguyễn Hoàng K	170.000.000
12	Ngô Thị H6	570.000.000
13	Nguyễn Thị Ph	105.000.000
14	Lê Thị Ng2	8.000.000
15	Trần Thị N3	60.000.000
16	Trần Thị H6	32.000.000
17	Trần Thị Ng3	20.000.000
18	Đàm Thị T5	40.000.000

STT	Họ tên người bị hại	Số tiền được bồi thường (VNĐ)
19	Vũ Thị S1	184.000.000
20	Nguyễn Thị D5	82.000.000
21	Lê Thị Thanh Ng4	37.000.000
22	Đỗ Thị K1	25.000.000
23	Trần Thị Th5	251.000.000
24	Đỗ Thị Th7	13.000.000
25	Phạm Thị Hải Y	29.000.000
26	Hoàng Thị L2	149.000.000
27	Đàm Hữu H7	21.000.000
28	Lê Thị Hồng H8	35.000.000
29	Lưu Thị D6	43.000.000
30	Nguyễn Thị D2	677.000.000
31	Đỗ Thị T1	185.000.000
32	Đỗ Thị L1	319.000.000
33	Nguyễn Thị T6	12.000.000
34	Đồng Thị Thu H9	62.000.000
35	Vũ Thị H10	28.000.000
36	Đoàn Thị M1	81.000.000
37	Đàm Thị Ch2	413.000.000
38	Phạm Thị H11	67.000.000
39	Nguyễn Thị N1	64.000.000
40	Vũ Thị Th17	168.000.000

STT	Họ tên người bị hại	Số tiền được bồi thường (VNĐ)
41	Nguyễn Thị Th9	18.000.000
42	Đỗ Thị Q1	198.000.000
43	Nguyễn Thị Th10	95.000.000
44	Nguyễn Thị L4	64.000.000
45	Phạm Thị V	60.000.000
46	Đào Thị Th11	132.000.000
47	Vũ Thị Thanh H	334.000.000
48	Đỗ Thị D, tên khác: Đỗ Thị B2	49.600.000
9	Nguyễn Thị T7	33.000.000
50	Đỗ Thanh T8	11.000.000
51	Ngô Thị L5	88.000.000
52	Vũ Thị V1	64.000.000
53	Lưu Thị T4	92.000.000
54	Đào Thị Tr	45.000.000
55	Lưu Thị Gi1	283.000.000
56	Phạm Thị Kim D4	315.000.000
57	Lê Thị Ánh T3	75.000.000
58	Nguyễn Kim Ch	1.438.000.000
59	Vũ Thị Việt H12	65.000.000
60	Bùi Thị Thúy H13	21.000.000
61	Vũ Thị Ch1	910.000.000

STT	Họ tên người bị hại	Số tiền được bồi thường (VNĐ)
62	Trịnh Thị Th12	58.000.000
63	Phùng Văn H14	48.000.000
64	Đỗ Thị M3	168.000.000
65	Nguyễn Hồng H15	52.000.000
66	Nguyễn Thị Th13	44.000.000
67	Trần Thị L6	110.000.000
68	Nguyễn Thị M4	45.000.000
69	Nguyễn Thị T9	44.000.000
70	Vũ Thị T4	166.000.000
71	Nguyễn Thị Th10	64.000.000
72	Nguyễn Thị Nh1	43.000.000
73	Nguyễn Thị Tr	106.000.000
74	Hoàng Thị H3	395.000.000
75	Hoàng Thị L7	67.000.000
76	Hoàng Thị Đ1	30.000.000
77	Phan Thị Ng5	40.000.000
78	Đỗ Hùng Th14	53.000.000
79	Nguyễn Thị Th15	28.000.000
80	Ngô Thị Th16	27.000.000
81	Nguyễn Thị D9	120.000.000
82	Vũ Thị H16	80.000.000
83	Phạm Thị Thanh H17	33.000.000

STT	Họ tên người bị hại	Số tiền được bồi thường (VNĐ)
84	Đỗ Thị H18	20.000.000
85	Vũ Thị X	70.000.000
86	Bùi Thị Ng1	53.000.000
87	Đỗ Thị H5	321.000.000
88	Bùi Thị Th8	39.000.000
89	Nguyễn Thị B1; đại diện hợp pháp: Chị Vũ Thị Thanh H	25.000.000
90	Lê Thị Q1	48.000.000
91	Phùng Thị K1	62.000.000
92	Trần Thị M2	56.000.000
93	Nguyễn Thị Hương L3	111.000.000
94	Vũ Văn D8	50.000.000
95	Vũ Thị T2	1.190.000.000
96	Bùi Thị Bích L7	110.000.000
97	Nguyễn Thị H2	51.000.000
98	Hoàng Thị Th5	481.000.000

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/5/2023, 14 người bị hại gồm: chị Nguyễn Kim Ch, bà Nguyễn Thị Tr, bà Đỗ Thị Q1, bà Đỗ Thị T1, bà Bùi Thị Ng1, bà Vũ Thị Ch1, bà Phạm Thị L, bà Lưu Thị Gi1, bà Vũ Thị T2, bà Đỗ Thị D, chị Lê Thị Ánh T3, chị Vũ Thị Thanh H, bà Vũ Thị X, bà Vũ Thị T4 có đơn kháng cáo cùng nội dung đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại; khởi tố Phạm Thị Ng về hành vi đồng phạm “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Những người bị hại bà Đỗ Thị T1, bà Vũ Thị Ch1, bà Vũ Thị T2, bà Đỗ Thị D, chị Lê Thị Ánh T3, chị Vũ Thị Thanh H, bà Vũ Thị X vắng mặt.

Những người bị hại có mặt tại phiên tòa gồm: chị Nguyễn Kim Ch, bà Nguyễn Thị Tr, bà Đỗ Thị Q1, bà Bùi Thị Ng1, bà Phạm Thị L, bà Lưu Thị Gi1, bà Vũ Thị T4 vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy một phần bản án sơ thẩm để điều tra lại theo hướng Phạm Thị Ng đồng phạm với bị cáo Lương Ngọc T và đề nghị xem xét ngôi nhà mà vợ chồng bị cáo bán cho vợ chồng em gái là dấu hiệu tẩu tán tài sản.

Luật sư Trần Hồng L bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đây là vụ án chiếm đoạt tài sản của nhiều người với số lượng lớn, tính chất đặc biệt nghiêm trọng nhưng trong quá trình giải quyết tin báo tố giác, điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm không khách quan, không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, bỏ lọt tội phạm đối với Phạm Thị Ng, không có biện pháp kịp thời kê biên tài sản, tạo điều kiện cho T-Ng tẩu tán tài sản trong thời gian lẩn trốn, gây dư luận bất bình, bức xúc trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, luật sư đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, trả hồ sơ để điều tra lại theo hướng khởi tố bị can đối với Phạm Thị Ng và kê biên căn nhà của vợ chồng T-Ng tại số 50 Trà Khê 3, phường Anh Dũng, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, mảnh đất 260m² tại tổ 8, phường Hưng Đạo, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng và 01 xe máy SH để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo Lương Ngọc T đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lương Ngọc T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174, khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự và buộc bị cáo phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại là có căn cứ, đúng pháp luật. Đối với Phạm Thị Ng có dấu hiệu đồng phạm, tuy nhiên xét thấy không cần thiết hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại mà cần kiến nghị cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ hành vi của Phạm Thị Ng để tránh bỏ lọt tội phạm. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị hại, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng và Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và các người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều

hợp pháp.

Đơn kháng cáo của các bị hại làm trong hạn luật định, đảm bảo về hình thức, được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo, những người bị hại đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lương Ngọc T thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm quy kết. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của những người bị hại trong vụ án, những người làm chứng và phù hợp với vật chứng thu giữ được, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở kết luận: Từ cuối năm 2016 đến tháng 8/2019, Lương Ngọc T đã vay nợ của 23 người, sau đó bỏ trốn để chiếm đoạt tổng số tiền 6.550.000.000 đồng. Ngoài ra, do cần tiền để trả nợ và sử dụng cá nhân, Lương Ngọc T đã dùng thủ đoạn gian dối, thông báo là mình vẫn tổ chức các dây họ góp lãi để huy động mọi người đóng họ góp. Do tin tưởng T vẫn tổ chức chơi họ góp nên đã có 98 người đóng họ cho T và bị T chiếm đoạt với tổng số tiền là 8.650.600.000 đồng.

Do có hành vi nêu trên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã truy tố, xét xử bị cáo Lương Ngọc T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; gây dư luận bất bình trong quần chúng nhân dân; bị cáo chiếm đoạt tiền của nhiều người đến nay chưa thu hồi được. Do đó, cần phải xử lý nghiêm mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo không kháng cáo nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Xét kháng cáo của 14 người bị hại:

- Về kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại, Hội đồng xét xử thấy: Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét nhân thân bị cáo, áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, gia đình bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51

Bộ luật Hình sự; đồng thời xem xét về tính chất mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo; bị cáo chiếm đoạt tiền của rất nhiều bị hại (98 người) với số tiền rất lớn 6.550.000.000 đồng đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 8.650.600.000 đồng đối với tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, đến nay gia đình bị cáo đã bồi thường được số tiền 334.000.000 đồng cho 40 người bị hại, đây là số tiền rất nhỏ so với số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại. Tòa án cấp sơ thẩm quyết định xử phạt bị cáo Lương Ngọc T 20 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 19 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174, khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự là có căn cứ, tương xứng với tính chất, mức độ hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo, do vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị hại đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Về kháng cáo cho rằng bỏ lọt tội phạm đối với vợ bị cáo là Phạm Thị Ng, Hội đồng xét xử thấy: Trong vụ án này các bị hại chỉ giao dịch với bị cáo Lương Ngọc T, mặc dù khi nhận tiền Phạm Thị Ng ký nhận hộ cho T, cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra kết luận Phạm Thị Ng không đồng phạm với Lương Ngọc T. T nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng cần kiến nghị cơ quan điều tra, Viện kiểm sát xem xét đối với hành vi khi nhận tiền thay cho T thì Ng có được bàn bạc với T, Ng có được hưởng lợi đối với số tiền mà T chiếm đoạt hay không để tránh bỏ lọt tội phạm và truy tố oan người không có tội.

Đối với ngôi nhà mà vợ chồng T đã bán cho em gái là Lương Thị H1 thấy rằng cơ quan điều tra không kê biên đối với bị cáo, do đó các bị hại có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xem xét theo quy định của pháp luật.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện bị cáo Lương Ngọc T chiếm đoạt của các bị hại tổng số tiền là 15.200.600.000 đồng; riêng bị hại Vũ Thị X không yêu cầu T bồi thường số tiền đóng họ góp là 22.000.000 đồng, chỉ yêu cầu bồi thường số tiền T chiếm đoạt thông qua việc vay nợ là 70.000.000 đồng. Gia đình T đã tự nguyện bồi thường số tiền 334.000.000 đồng cho 40 người bị hại. Căn cứ theo lời khai của các bị hại và lời khai của bị cáo; Hội đồng xét xử sơ thẩm buộc bị cáo Lương Ngọc T hoàn trả lại toàn bộ số tiền trên cho các bị hại là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của 14 bị hại như nêu trên, cũng như quan điểm của luật sư bảo vệ cho các bị hại, Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên chị Nguyễn Kim Ch, bà Nguyễn Thị Tr, bà Đỗ Thị Q1, bà Đỗ Thị T1, bà Bùi Thị Ng1, bà Vũ Thị Ch1, bà Phạm Thị L, bà Lưu Thị Gi1, bà Vũ Thị T2, bà Đỗ Thị D, chị Lê Thị

Ánh T3, chị Vũ Thị Thanh H, bà Vũ Thị X, bà Vũ Thị T4 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của những người bị hại gồm: Chị Nguyễn Kim Ch, bà Nguyễn Thị Tr, bà Đỗ Thị Q1, bà Đỗ Thị T1, bà Bùi Thị Ng1, bà Vũ Thị Ch1, bà Phạm Thị L, bà Lưu Thị Gi1, bà Vũ Thị T2, bà Đỗ Thị D, chị Lê Thị Ánh T3, chị Vũ Thị Thanh H, bà Vũ Thị X, bà Vũ Thị T4;

Giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 77/2023/HS-ST ngày 16/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, cụ thể như sau:

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Lương Ngọc T 20 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 19 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành mức hình phạt chung cho cả hai tội là 30 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/8/2022.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; buộc bị cáo Lương Ngọc T phải bồi thường cho các bị hại số tiền theo danh sách, cụ thể:

STT	Họ tên người bị hại	Số tiền được bồi thường (VNĐ)
1	Nguyễn Thị H4	170.000.000
2	Phạm Thị D3	78.000.000
3	Nguyễn Thị S	39.000.000
4	Phạm Văn Th3	165.000.000
5	Đàm Thị M	84.000.000
6	Nguyễn Thị B	224.000.000
7	Phạm Thị L	985.000.000
8	Nguyễn Thị N2	42.000.000
9	Trần Thị Th6	20.000.000

STT	Họ tên người bị hại	Số tiền được bồi thường (VNĐ)
10	Tạ Thị Th4	189.000.000
11	Nguyễn Hoàng K	170.000.000
12	Ngô Thị H6	570.000.000
13	Nguyễn Thị Ph	105.000.000
14	Lê Thị Ng2	8.000.000
15	Trần Thị N3	60.000.000
16	Trần Thị H6	32.000.000
17	Trần Thị Ng3	20.000.000
18	Đàm Thị T5	40.000.000
19	Vũ Thị S1	184.000.000
20	Nguyễn Thị D5	82.000.000
21	Lê Thị Thanh Ng4	37.000.000
22	Đỗ Thị K1	25.000.000
23	Trần Thị Th5	251.000.000
24	Đỗ Thị Th7	13.000.000
25	Phạm Thị Hải Y	29.000.000
26	Hoàng Thị L2	149.000.000
27	Đàm Hữu H7	21.000.000
28	Lê Thị Hồng H8	35.000.000
29	Lưu Thị D6	43.000.000
30	Nguyễn Thị D2	677.000.000
31	Đỗ Thị T1	185.000.000

STT	Họ tên người bị hại	Số tiền được bồi thường (VNĐ)
32	Đỗ Thị L1	319.000.000
33	Nguyễn Thị T6	12.000.000
34	Đồng Thị Thu H9	62.000.000
35	Vũ Thị H10	28.000.000
36	Đoàn Thị M1	81.000.000
37	Đàm Thị Ch2	413.000.000
38	Phạm Thị H11	67.000.000
39	Nguyễn Thị N1	64.000.000
40	Vũ Thị Th17	168.000.000
41	Nguyễn Thị Th9	18.000.000
42	Đỗ Thị Q1	198.000.000
43	Nguyễn Thị Th10	95.000.000
44	Nguyễn Thị L4	64.000.000
45	Phạm Thị V	60.000.000
46	Đào Thị Th11	132.000.000
47	Vũ Thị Thanh H	334.000.000
48	Đỗ Thị D, tên khác: Đỗ Thị B2	49.600.000
49	Nguyễn Thị T7	33.000.000
50	Đỗ Thanh T8	11.000.000
51	Ngô Thị L5	88.000.000
52	Vũ Thị V1	64.000.000
53	Lưu Thị T4	92.000.000

STT	Họ tên người bị hại	Số tiền được bồi thường (VNĐ)
54	Đào Thị Tr	45.000.000
55	Lưu Thị Gi1	283.000.000
56	Phạm Thị Kim D4	315.000.000
57	Lê Thị Ánh T3	75.000.000
58	Nguyễn Kim Ch	1.438.000.000
59	Vũ Thị Việt H12	65.000.000
60	Bùi Thị Thúy H13	21.000.000
61	Vũ Thị Ch1	910.000.000
62	Trịnh Thị Th12	58.000.000
63	Phùng Văn H14	48.000.000
64	Đỗ Thị M3	168.000.000
65	Nguyễn Hồng H15	52.000.000
66	Nguyễn Thị Th13	44.000.000
67	Trần Thị L6	110.000.000
68	Nguyễn Thị M4	45.000.000
69	Nguyễn Thị T9	44.000.000
70	Vũ Thị T4	166.000.000
71	Nguyễn Thị Th10	64.000.000
72	Nguyễn Thị Nh1	43.000.000
73	Nguyễn Thị Tr	106.000.000
74	Hoàng Thị H3	395.000.000
75	Hoàng Thị L7	67.000.000

STT	Họ tên người bị hại	Số tiền được bồi thường (VNĐ)
76	Hoàng Thị Đ1	30.000.000
77	Phan Thị Ng5	40.000.000
78	Đỗ Hùng Th14	53.000.000
79	Nguyễn Thị Th15	28.000.000
80	Ngô Thị Th16	27.000.000
81	Nguyễn Thị D9	120.000.000
82	Vũ Thị H16	80.000.000
83	Phạm Thị Thanh H17	33.000.000
84	Đỗ Thị H18	20.000.000
85	Vũ Thị X	70.000.000
86	Bùi Thị Ng1	53.000.000
87	Đỗ Thị H5	321.000.000
88	Bùi Thị Th8	39.000.000
89	Nguyễn Thị B1; đại diện hợp pháp: Chị Vũ Thị Thanh H	25.000.000
90	Lê Thị Q1	48.000.000
91	Phùng Thị K1	62.000.000
92	Trần Thị M2	56.000.000
93	Nguyễn Thị Hương L3	111.000.000
94	Vũ Văn D8	50.000.000
95	Vũ Thị T2	1.190.000.000
96	Bùi Thị Bích L7	110.000.000
97	Nguyễn Thị H2	51.000.000

STT	Họ tên người bị hại	Số tiền được bồi thường (VNĐ)
98	Hoàng Thị Th5	481.000.000

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền nói trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Kim Ch, bà Nguyễn Thị Tr, bà Đỗ Thị Q1, bà Đỗ Thị T1, bà Bùi Thị Ng1, bà Vũ Thị Ch1, bà Phạm Thị L, bà Lưu Thị Gi1, bà Vũ Thị T2, bà Đỗ Thị D, chị Lê Thị Ánh T3, chị Vũ Thị Thanh H, bà Vũ Thị X, bà Vũ Thị T4, mỗi người phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND Tp Hải Phòng;
- VKSND Tp Hải Phòng;
- Công an Tp Hải Phòng;
- Cục THADS Tp Hải Phòng;
- TTG - CA Tp Hải Phòng
- Bị cáo (qua TTG);
- Người bị hại (theo đ/c);
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN**

Ngô Tự Học